

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016  
(đã được soát xét)

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 -05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-34
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11-34



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7

Tầng 3 Tòa Vinaconex 7, số 61 đường K2, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 được thành lập theo Quyết định số 2065/QĐ-BXD ngày 19 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng số 7 - Doanh nghiệp Nhà nước thành viên Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0100105743 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19/02/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 08 tháng 05 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3 Tòa Vinaconex 7, số 61 đường K2, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trọng Tấn	Chủ tịch
Ông Lò Hồng Hiệp	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Thiết	Ủy viên
Ông Hà Anh Tuấn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Sơn	Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Trường	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Thu	Phó Giám đốc
Ông Vũ Việt Độ	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thái Hà	Trưởng ban
Ông Nguyễn Đức Thùy	Thành viên
Bà Vũ Thị Kim Cúc	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7

Tầng 3 Tòa Vinaconex 7, số 61 đường K2, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Xuân Sơn  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2016

Số: 1689/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 được lập ngày 12 tháng 07 năm 2016, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>411.808.936.317</b>	<b>433.960.477.890</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>269.665.745.178</b>	<b>281.418.174.635</b>
111	1. Tiền		2.165.745.178	3.418.174.635
112	2. Các khoản tương đương tiền		267.500.000.000	278.000.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>40.172.246.075</b>	<b>53.334.809.583</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	36.930.121.929	50.184.395.213
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		256.676.204	270.469.970
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	2.985.447.942	2.879.944.400
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>97.953.194.538</b>	<b>96.208.314.991</b>
141	1. Hàng tồn kho		97.953.194.538	96.208.314.991
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>4.017.750.526</b>	<b>2.999.178.681</b>
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		4.017.750.526	2.999.178.681
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>55.727.857.322</b>	<b>59.122.861.569</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>36.143.310.485</b>	<b>38.646.684.703</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	36.143.310.485	38.646.684.703
222	- Nguyên giá		86.742.837.975	91.653.510.643
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(50.599.527.490)	(53.006.825.940)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		516.767.278	516.767.278
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(516.767.278)	(516.767.278)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>9</b>	<b>3.858.426.371</b>	<b>3.941.403.281</b>
231	- Nguyên giá		4.148.845.556	4.148.845.556
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(290.419.185)	(207.442.275)
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>5.861.075.000</b>	<b>6.361.075.000</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.161.075.000	6.361.075.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(300.000.000)	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>9.865.045.466</b>	<b>10.173.698.585</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	9.865.045.466	10.173.698.585
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>467.536.793.639</b>	<b>493.083.339.459</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>354.794.127.803</b>	<b>377.241.614.199</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>354.794.127.803</b>	<b>377.241.614.199</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	34.071.893.073	52.238.861.053
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	213.834.217.022	250.913.333.001
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	5.583.268.349	15.872.550.232
314	4. Phải trả người lao động		825.170.692	1.308.054.398
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	34.491.013.805	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	34.019.650.248	25.529.212.057
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	29.982.142.420	30.982.142.420
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.986.772.194	397.461.038
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>112.742.665.836</b>	<b>115.841.725.260</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	17	<b>112.742.665.836</b>	<b>115.841.725.260</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		80.000.000.000	80.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		80.000.000.000	80.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		25.046.749.030	25.046.749.030
415	3. Cổ phiếu quỹ		(6.909.547.617)	(6.909.547.617)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		10.553.012.691	10.553.012.691
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.052.451.732	7.151.511.156
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		4.052.451.732	7.151.511.156
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>467.536.793.639</b>	<b>493.083.339.459</b>

Trần Quang Trung  
Người lập

Nguyễn Tuấn Dũng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Sơn  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2016



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	148.932.207.354	127.996.471.922
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		148.932.207.354	127.996.471.922
11	4. Giá vốn hàng bán	19	139.441.940.131	118.941.928.511
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.490.267.223	9.054.543.411
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	6.740.059.797	3.845.190.928
22	7. Chi phí tài chính	21	2.148.201.010	1.601.819.643
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.848.201.010	1.376.744.606
25	8. Chi phí bán hàng	22	550.817.708	319.500.595
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	5.943.403.596	5.274.614.362
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.587.904.706	5.703.799.739
31	11. Thu nhập khác	24	2.113.647.148	901.863.396
32	12. Chi phí khác	25	1.316.818.855	3.057.740.938
40	13. Lợi nhuận khác		796.828.293	(2.155.877.542)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.384.732.999	3.547.922.197
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	4.332.281.267	1.334.283.983
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>4.052.451.732</u>	<u>2.213.638.214</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	540	295
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	28	539	


Trần Quang Trung  
Người lập

Nguyễn Tuấn Dũng  
Kế toán trưởngNguyễn Xuân Sơn  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		8.384.732.999	3.547.922.197
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.283.606.223	2.201.253.590
03	- Các khoản dự phòng		300.000.000	225.075.037
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(7.664.587.620)	(3.845.190.928)
06	- Chi phí lãi vay		1.848.201.010	1.376.744.606
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.151.952.612	3.505.804.502
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		12.145.013.580	17.223.107.955
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.744.879.547)	2.345.741.848
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(12.652.577.648)	112.440.615.089
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		308.653.119	(848.229.989)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.347.571.466)	(1.376.744.606)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(15.233.845.490)	(2.172.983.688)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(312.200.000)	(1.028.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(13.685.454.840)	130.089.311.111
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(3.995.604.910)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.227.272.728	-
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		259.920.000	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.679.117.880	3.845.190.928
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		8.166.310.608	(150.413.982)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	4.470.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.000.000.000)	(12.937.259.596)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.233.285.225)	(3.750.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(6.233.285.225)	(12.217.259.596)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(11.752.429.457)	117.721.637.533
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		281.418.174.635	134.131.800.527
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>269.665.745.178</u>	<u>251.853.438.060</u>

Trần Quang Trung  
Người lập

Nguyễn Tuấn Dũng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Sơn  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2016

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 được thành lập theo Quyết định số 2065/QĐ-BXD ngày 19 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng số 7 - Doanh nghiệp Nhà nước thành viên Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0100105743 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19/02/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 08 tháng 05 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3 Tòa Vinaconex 7, số 61 đường K2, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 80.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 80.000.000.000 đồng; tương đương 8.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Xây lắp, kinh doanh bất động sản và sản xuất công nghiệp.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, buro điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế 110 KV;
- Xây dựng các công trình thủy điện, nhiệt điện;
- Thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu các công trình xây dựng cấp thoát nước;
- Xây dựng và phát triển nhà;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất và buôn bán nước tinh khiết;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có đơn vị trực thuộc sau:  
Nhà máy kính An Toàn

Địa chỉ  
Hà Nội

Hoạt động kinh doanh chính  
Sản xuất công nghiệp, dịch vụ

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

### **2.4 . Công cụ tài chính :**

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### **Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### **Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.6 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm, đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: do khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo nên việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất so với thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

**2.7 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.8 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.9 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 05 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Trong đó bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
--------------------------	--------

**2.10 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.11 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.12 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

**2.13 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.14 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.15 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.16 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.



*Doanh thu bán bất động sản*

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Các hợp đồng xây dựng của Công ty quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.17 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.18 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

**2.20 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	734.314.824	636.921.075
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.431.430.354	2.781.253.560
Các khoản tương đương tiền	267.500.000.000	278.000.000.000
	<u><u>269.665.745.178</u></u>	<u><u>281.418.174.635</u></u>

Tại ngày 30/06/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,25 %/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7**

Tầng 3 Tòa Vinaconex 7, số 61 đường K2, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>6.161.075.000</b>	<b>(300.000.000)</b>	<b>6.361.075.000</b>	-
- Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex-Viettel	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Handic	411.075.000	-	411.075.000	-
- Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Việt Nam	300.000.000	(300.000.000)	300.000.000	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Hà Nội	450.000.000	-	450.000.000	-
- Công ty Cổ phần Ông sọt thủy tinh Vinaconex	-	-	200.000.000	-
	<b>6.161.075.000</b>	<b>(300.000.000)</b>	<b>6.361.075.000</b>	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7**Tầng 3 Tòa Vinaconex 7, số 61 đường K2, Phường Cầu  
Điễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**Đầu tư vào đơn vị khác**

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex-Viettel	Thành phố Hà Nội	0,001%	0,001%	Tài chính, ngân hàng
Công ty Cổ phần Tư vấn Handic	Thành phố Hà Nội	3,00%	3,00%	Tư vấn đầu tư xây dựng
Công ty Cổ phần Trang trí nội thất	Thành phố Hà Nội	2,86%	2,86%	Trang trí nội thất
Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Hà Nội	Thành phố Hà Nội	2,25%	2,25%	Dịch vụ bảo vệ

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Tỉnh ủy Phú Thọ	1.828.343.749	1.828.343.749
- Trường Đại học Xây dựng	2.131.148.000	2.131.148.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	32.970.630.180	46.224.903.464
	<b>36.930.121.929</b>	<b>50.184.395.213</b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>1.580.613.672</b>	<b>1.592.974.306</b>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.		

**6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	745.785.806	-	744.763.889	-
Tạm ứng	1.474.505.134	-	884.567.254	-
Phải thu lãi chậm nộp theo tiến độ	765.157.002	-	1.230.613.257	-
Phải thu khác	-	-	20.000.000	-
	<b>2.985.447.942</b>	<b>-</b>	<b>2.879.944.400</b>	<b>-</b>

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.926.639.138	-	7.896.974.079	-
Công cụ, dụng cụ	9.780.000	-	9.780.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	76.023.563.533	-	70.771.238.541	-
Thành phẩm	16.905.219.809	-	17.414.737.827	-
Hàng hoá	87.992.058	-	115.584.544	-
	<b>97.953.194.538</b>	<b>-</b>	<b>96.208.314.991</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7**

Tầng 3 Tòa Vinaconex 7, số 61 đường K2, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	35.396.270.694	49.021.559.528	6.942.105.985	293.574.436	91.653.510.643
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.153.881.457)	(1.756.791.211)	-	(4.910.672.668)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>35.396.270.694</b>	<b>45.867.678.071</b>	<b>5.185.314.774</b>	<b>293.574.436</b>	<b>86.742.837.975</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	7.476.689.045	38.986.855.697	6.249.706.762	293.574.436	53.006.825.940
- Khấu hao trong kỳ	771.891.258	1.232.693.437	196.044.618	-	2.200.629.313
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.851.136.552)	(1.756.791.211)	-	(4.607.927.763)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>8.248.580.303</b>	<b>37.368.412.582</b>	<b>4.688.960.169</b>	<b>293.574.436</b>	<b>50.599.527.490</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	27.919.581.649	10.034.703.831	692.399.223	-	38.646.684.703
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>27.147.690.391</b>	<b>8.499.265.489</b>	<b>496.354.605</b>	<b>-</b>	<b>36.143.310.485</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 29.025.576.939 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7**

Tầng 3 Tòa Vinaconex 7, số 61 đường K2, Phường Cầu  
Điễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**9 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư của Công ty là văn phòng cho thuê tại tầng 3, tại tòa nhà Lidaco - Vinaconex 7, 19 đường Đại Từ, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội. Nguyên giá tại thời điểm 30/06/2016 là 4.148.845.556 đồng, hao mòn lũy kế là 290.419.185 đồng. Khấu hao từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 là 82.976.910 đồng.

**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng trả trước	9.049.954.254	9.161.681.550
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	600.468.662	797.394.485
Chi phí trả trước dài hạn khác	214.622.550	214.622.550
	<u><b>9.865.045.466</b></u>	<u><b>10.173.698.585</b></u>

**11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Sứ Thanh Trì	1.513.418.293	1.513.418.293	2.345.023.810	2.345.023.810
Công ty Cổ phần Vimeco	2.273.499.950	2.273.499.950	3.041.877.950	3.041.877.950
Công ty TNHH Việt Phát Thăng Long	1.449.000.000	1.449.000.000	-	-
Công ty Tân Viễn Cánh	3.383.639.922	3.383.639.922	4.557.507.745	4.557.507.745
Công ty Cổ phần Sông Đà 1	1.658.287.203	1.658.287.203	1.708.858.648	1.708.858.648
Công ty Cổ phần Xây dựng Năm Long	1.731.746.101	1.731.746.101	1.573.952.055	1.573.952.055
Phải trả người bán hoạt động khác	22.062.301.604	22.062.301.604	39.011.640.845	39.011.640.845
	<u><b>34.071.893.073</b></u>	<u><b>34.071.893.073</b></u>	<u><b>52.238.861.053</b></u>	<u><b>52.238.861.053</b></u>

**12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	14.674.014.800	14.674.014.800
Công ty Cổ phần Pusamcat Sapa	2.185.012.142	4.263.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	1.728.023.965	-
Các đối tượng khác	212.106.193.057	250.913.333.001
	<u><b>213.834.217.022</b></u>	<u><b>250.913.333.001</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7**

Tầng 3 Tòa Vinaconex 7, số 61 đường K2, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.175.374.191	698.881.405	153.402.251	153.402.251	-	1.720.853.345	-	-	1.720.853.345
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	14.545.698.530	4.332.281.267	15.233.845.490	15.233.845.490	-	3.644.134.307	-	-	3.644.134.307
Thuế Thu nhập cá nhân	-	151.477.511	279.686.387	212.883.201	212.883.201	-	218.280.697	-	-	218.280.697
Các loại thuế khác	-	-	108.958.212	108.958.212	108.958.212	-	-	-	-	-
	-	<b>15.872.550.232</b>	<b>5.419.807.271</b>	<b>15.709.089.154</b>	<b>15.709.089.154</b>	-	<b>5.583.268.349</b>	-	-	<b>5.583.268.349</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN**

	30/06/2016		01/01/2016	
	VND	VND	VND	VND
- Chi phí lãi vay	500.629.544	-	-	-
- Trích trước chi phí xây dựng bất động sản	33.990.384.261	-	-	-
	<b>34.491.013.805</b>	-	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7**Tầng 3 Tòa Vinaconex 7, số 61 đường K2, Phường Cầu  
Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	975.973.705	956.080.835
- Bảo hiểm xã hội	362.858.692	155.611.628
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	28.653.900	11.939.125
- Phải trả tiền bảo trì căn hộ dự án Đại Từ	3.351.693.122	2.580.587.932
- Phải trả tiền bảo trì căn hộ dự án 34 Cầu Diễn	8.521.286.025	8.469.763.923
- Phải trả tiền bảo trì căn hộ dự án 136 Hồ Tùng Mậu (tòa 1A)	5.624.618.447	4.537.698.424
- Phải trả tiền bảo trì căn hộ dự án 136 Hồ Tùng Mậu (tòa 2A)	8.340.656.527	2.852.530.190
- Tiền đặt cọc thi công hoàn thiện căn hộ dự án 34 Cầu Diễn	460.000.000	600.000.000
- Tiền đặt cọc thi công hoàn thiện dự án 136 Hồ Tùng Mậu	2.475.000.000	3.895.000.000
- Phải trả tiền bảo lãnh phân phối căn hộ	460.000.000	1.120.000.000
- Tiền đặt cọc mua căn hộ	2.710.000.000	350.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	708.909.830	-
	<u><u>34.019.650.248</u></u>	<u><u>25.529.212.057</u></u>





**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7**

Tầng 3 Tòa Vinaconex 7, số 61 đường K2, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**16 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2016		Trong kỳ		30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>30.982.142.420</b>	<b>30.982.142.420</b>	-	<b>1.000.000.000</b>	<b>29.982.142.420</b>	<b>29.982.142.420</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 <sup>(1)</sup>	200.000.000	200.000.000	-	-	200.000.000	200.000.000
- Vay cá nhân <sup>(2)</sup>	30.782.142.420	30.782.142.420	-	1.000.000.000	29.782.142.420	29.782.142.420
	<b>30.982.142.420</b>	<b>30.982.142.420</b>	-	<b>1.000.000.000</b>	<b>29.982.142.420</b>	<b>29.982.142.420</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Theo kế ước vay vốn ngày 19 tháng 05 năm 2010, với các điều khoản chi tiết sau:  
+ Tổng giá trị khoản vay là 2.000.000.000 đồng;  
+ Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ xây lắp thủy điện Ngòi Phát;  
+ Lãi suất cho vay: 0%;  
+ Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo.

- (2) Các khoản vay cá nhân chủ yếu để phục vụ cho việc xây dựng các công trình dự án do Công ty làm chủ đầu tư với mức lãi suất từ 7% đến 9% năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7**

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Tầng 3 Tòa Vinaconex 7, số 61 đường K2, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND			VND	VND		
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	25.046.749.030	(6.909.547.617)	9.429.746.701	6.246.146.645	113.813.094.759		
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	2.213.638.214	2.213.638.214		
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	1.123.265.990	(6.246.146.645)	(5.122.880.655)		
Số dư cuối kỳ trước	80.000.000.000	25.046.749.030	(6.909.547.617)	10.553.012.691	2.213.638.214	110.903.852.318		
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	25.046.749.030	(6.909.547.617)	10.553.012.691	7.151.511.156	115.841.725.260		
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	4.052.451.732	4.052.451.732		
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(7.151.511.156)	(7.151.511.156)		
Số dư cuối kỳ này	80.000.000.000	25.046.749.030	(6.909.547.617)	10.553.012.691	4.052.451.732	112.742.665.836		

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 03 năm 2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	7.151.511.156
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	26,59%	1.901.511.156
Chi trả cổ tức (bằng 7% vốn điều lệ)	73,41%	5.250.000.000

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	28.800.000.000	36,00%	28.800.000.000	36,00%
Ông Nguyễn Trọng Tấn	4.063.090.000	5,08%	4.983.090.000	6,23%
Các cổ đông khác	42.136.910.000	52,67%	41.216.910.000	51,52%
Cổ phiếu quỹ	5.000.000.000	6,25%	5.000.000.000	6,25%
	<b>80.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>100%</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7**Tầng 3 Tòa Vinaconex 7, số 61 đường K2, Phường Cầu  
Điễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.000.000.000	80.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	80.000.000.000	80.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	80.000.000.000	80.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.250.000.000	3.750.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	5.250.000.000	3.750.000.000

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại ( <i>cổ phiếu quỹ</i> )	500.000	500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	500.000	500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.500.000	7.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.500.000	7.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	10.553.012.691	10.553.012.691
	<b>10.553.012.691</b>	<b>10.553.012.691</b>

**18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	16.390.491.062	8.538.382.131
Doanh thu hoạt động xây lắp và dịch vụ khác	69.298.438.179	47.391.692.245
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	63.243.278.113	72.066.397.546
	<b>148.932.207.354</b>	<b>127.996.471.922</b>

**19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	15.034.910.886	7.101.090.424
Giá vốn hoạt động xây lắp và dịch vụ khác	81.804.825.158	46.268.460.693
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	42.602.204.087	65.572.377.394
	<b>139.441.940.131</b>	<b>118.941.928.511</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7**Tầng 3 Tòa Vinaconex 7, số 61 đường K2, Phường Cầu  
Điễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	6.680.139.797	3.845.190.928
Lãi bán các khoản đầu tư	59.920.000	-
	<b>6.740.059.797</b>	<b>3.845.190.928</b>

**21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.848.201.010	1.376.744.606
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	300.000.000	225.075.037
	<b>2.148.201.010</b>	<b>1.601.819.643</b>

**22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	375.000
Chi phí nhân công	58.204.725	76.637.622
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.819.164	30.870.854
Chi phí dịch vụ mua ngoài	390.407.708	187.304.410
Chi phí khác bằng tiền	79.386.111	24.312.709
	<b>550.817.708</b>	<b>319.500.595</b>

**23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	239.029.902	695.407.686
Chi phí nhân công	4.291.970.922	3.234.202.557
Chi phí khấu hao tài sản cố định	446.575.901	255.026.290
Thuế, phí, lệ phí	39.586.433	327.885.615
Chi phí dịch vụ mua ngoài	362.851.145	574.290.125
Chi phí khác bằng tiền	563.389.293	187.802.089
	<b>5.943.403.596</b>	<b>5.274.614.362</b>

**24 . THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	924.527.823	-
Thu nhập khác	1.189.119.325	901.863.396
	<b>2.113.647.148</b>	<b>901.863.396</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7**Tầng 3 Tòa Vinaconex 7, số 61 đường K2, Phường Cầu  
Điễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**25 . CHI PHÍ KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí chia cho đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	1.000.000.000
Tiền phạt thuế	104.958.212	1.442.578.218
Chi phí khác	1.211.860.643	615.162.720
	<b>1.316.818.855</b>	<b>3.057.740.938</b>

**26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(13.276.673.338)	(763.257.305)
Các khoản điều chỉnh tăng	1.355.302.549	2.097.633.060
- Chi phí không hợp lệ	1.355.302.549	2.097.633.060
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(1.334.375.755)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(1.334.375.755)
Thu nhập tính thuế TNDN	(11.921.370.789)	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ của hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản	21.661.406.337	4.311.179.502
Các khoản điều chỉnh tăng	-	1.000.000.000
- Chi phí không hợp lệ	-	1.000.000.000
Thu nhập tính thuế TNDN	21.661.406.337	5.311.179.502
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	4.332.281.267	1.168.459.490
	-	165.824.493
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ này		
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>4.332.281.267</b>	<b>1.334.283.983</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	14.545.698.530	1.661.960.705
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(15.233.845.490)	(2.172.983.688)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ của HĐKD bất động sản</b>	<b>3.644.134.307</b>	<b>823.261.000</b>
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	4.332.281.267	1.334.283.983
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>3.644.134.307</b>	<b>823.261.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7**

Tầng 3 Tòa Vinaconex 7, số 61 đường K2, Phường Cầu  
 Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
 Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	4.052.451.732	2.213.638.214
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.052.451.732	2.213.638.214
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	7.500.000	7.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>540</b>	<b>295</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

**28 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2016
	VND
Lợi nhuận sau thuế	4.052.451.732
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.052.451.732
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	7.500.000
Cổ phiếu phổ thông bình quân dự kiến được phát hành thêm (*)	24.862
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>539</b>

(\*) Theo Công văn số 462/VC7-TCKT ngày 21/06/2016 của Công ty về việc "Công bố thông tin giao dịch bán cổ phiếu quỹ", Công ty đăng ký bán 500.000 cổ phiếu quỹ để bổ sung vốn kinh doanh, thời gian dự kiến giao dịch từ ngày 15/07/2016 đến ngày 12/08/2016 theo phương thức giao dịch là thỏa thuận và khớp lệnh qua sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

**29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	87.290.202.219	74.620.244.443
Chi phí nhân công	17.520.789.083	18.749.089.530
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.200.629.313	2.201.253.590
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.771.611.665	16.248.438.205
Chi phí khác bằng tiền	905.351.868	15.583.639.480
	<b>116.688.584.148</b>	<b>127.402.665.248</b>

**30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	269.665.745.178	-	281.418.174.635	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	39.915.569.871	-	53.064.339.613	-
Đầu tư dài hạn	6.161.075.000	(300.000.000)	6.361.075.000	-
	<b>315.742.390.049</b>	<b>(300.000.000)</b>	<b>340.843.589.248</b>	<b>-</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	29.982.142.420	30.982.142.420
Phải trả người bán, phải trả khác	68.091.543.321	77.768.073.110
Chi phí phải trả	34.491.013.805	-
	<b>132.564.699.546</b>	<b>108.750.215.530</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7**

Tầng 3 Tòa Vinaconex 7, số 61 đường K2, Phường Cầu  
 Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
 Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	269.665.745.178	-	-	269.665.745.178
Phải thu khách hàng, phải thu khác	39.915.569.871	-	-	39.915.569.871
Đầu tư dài hạn	5.861.075.000	-	-	5.861.075.000
	<u>315.442.390.049</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>315.442.390.049</u>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	281.418.174.635	-	-	281.418.174.635
Phải thu khách hàng, phải thu khác	53.064.339.613	-	-	53.064.339.613
Đầu tư dài hạn	6.361.075.000	-	-	6.361.075.000
	<u>340.843.589.248</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>340.843.589.248</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7**

Tầng 3 Tòa Vinaconex 7, số 61 đường K2, Phường Cầu  
 Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>				
Vay và nợ	29.982.142.420	-	-	29.982.142.420
Phải trả người bán, phải trả khác	68.091.543.321	-	-	68.091.543.321
Chi phí phải trả	34.491.013.805	-	-	34.491.013.805
	<b><u>132.564.699.546</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>132.564.699.546</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Vay và nợ	30.982.142.420	-	-	30.982.142.420
Phải trả người bán, phải trả khác	77.768.073.110	-	-	77.768.073.110
	<b><u>108.750.215.530</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>108.750.215.530</u></b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7**

Tầng 3 Tòa Vinacorex 7, số 61 đường K2, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất công nghiệp	Hoạt động xây lắp, dịch vụ	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Tổng cộng các bộ phần	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	16.390.491.062	69.298.438.179	63.243.278.113	148.932.207.354	148.932.207.354
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>1.355.580.176</b>	<b>(12.506.386.979)</b>	<b>20.641.074.026</b>	<b>9.490.267.223</b>	<b>9.490.267.223</b>
Tài sản bộ phận	19.834.708.956	70.152.779.075	55.551.294.315	145.538.782.346	145.538.782.346
Tài sản không phân bổ	-	-	-	321.998.011.293	321.998.011.293
<b>Tổng tài sản</b>	<b>19.834.708.956</b>	<b>70.152.779.075</b>	<b>55.551.294.315</b>	<b>467.536.793.639</b>	<b>467.536.793.639</b>
Nợ phải trả bộ phận	19.834.708.956	19.575.091.881	264.574.461.560	303.984.262.397	303.984.262.397
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	50.809.865.406	50.809.865.406
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>19.834.708.956</b>	<b>19.575.091.881</b>	<b>264.574.461.560</b>	<b>354.794.127.803</b>	<b>354.794.127.803</b>

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 7**Tầng 3 Tòa Vinaconex 7, số 61 đường K2, Phường Cầu  
Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>1.580.613.672</b>	<b>1.592.974.306</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây Dựng Việt Nam	Cổ đông lớn	1.580.613.672	1.592.974.306
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>15.916.667</b>	-
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây Dựng Việt Nam	Cổ đông lớn	15.916.667	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2016	2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	970.733.000	823.433.860

**34 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.



**Trần Quang Trung**  
Người lập



**Nguyễn Tuấn Dũng**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Xuân Sơn**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2016